TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 311/2018/HNGĐ-ST
Ngày 05/10/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự Soái
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Mừng
2. Ông Lê Văn Cương

- Thư ký Tòa án: Bà Lê Thị Thùy Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ *tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Vân, Kiểm sát viên.

Vào hồi 9 giờ 00 phút, ngày 05 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 272/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 về việc *"Ly hôn và tranh chấp con chung khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim L
Nơi ĐKNKTT: thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.
Chỗ ở hiện nay: Số 132/4B, phường B, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Tô Văn A
Địa chỉ: thôn P, xã C, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 8 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Đ bà Trần Thị Kim L (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân:

Bà L và ông A có thời gian tìm hiểu và đi đến hôn nhân, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký hôn số 10/2007 ngày 25 tháng 4 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống và làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh.

Bà L và ông A chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông A bị tai nạn nên mất khả năng lao động, dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn, bà L vừa chăm sóc bệnh tật cho ông A và vừa nuôi con

ăn học. Đến năm 2014, gia đình ông A đưa ông về quê tại xã C, huyện Đ để chăm sóc và vợ chồng không còn chung sống với nhau

Bà L thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy, nguyên đơn làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông A.

Tại các văn bản ghi ý kiến của ông A (bị đơn) trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2013 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông A bị tai nạn mất khả năng lao động, kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng lời qua tiếng lại. Năm 2014, gia đình ông A đưa ông về quê để chăm sóc, vợ chồng không còn chung sống với nhau. Ông A thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn.

2. Về con chung:

Bà L khai vợ chồng có 01 con chung là Tô Thị Diễm M, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2007.

Bà L có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông A đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Ông A công nhận vợ chồng có 01 con chung như bà Loan khai, nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu Tô Thị Diễm M và không yêu cầu bà L đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung:

Bà L và ông A cùng khai tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án can thiệp.

4. Về nợ chung:

Bà L và ông A cùng khai không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự, nguyên đơn bà L và bị đơn ông A thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Bà L và ông A đều có lời khai thống nhất, phù hợp với tài liệu điều tra thể hiện cả hai xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 4 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

Sau khi xác lập quan hệ hôn nhân, trong quá trình chung sống đến năm 2013 xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã bỏ mặc nhau, không còn chung sống với nhau từ năm 2014 đến nay. Bà L thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên xin được ly hôn và ông A cũng đồng ý ly hôn.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

- Về con chung: Bà L và ông A khai thống nhất có 01 con chung là Tô Thị Diễm M, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2007.

Bà L và ông A đều có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tuy nhiên, việc giao con cho ai tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cần phải xem xét điều kiện thực tế về mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Ông A hiện mất khả năng lao động không thể chăm sóc tốt cho con. Bà L có công việc và thu nhập hằng tháng ổn định đảm bảo để chăm sóc con. Hiện tại cháu Tô Thị Diễm M đang được bà L chăm sóc nuôi dưỡng và cháu M cũng có nguyện vọng được ở với bà L.

Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển ổn định cho vị thành niên nên giao cháu Tô Thị Diễm M cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Bà L và ông A cùng khai tự thỏa thuận giải quyết.
- Về nợ chung: Bà L và ông A cùng khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà L và bị đơn ông A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tại phiên tòa hôm nay các đương sự đều có mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Bà L và ông A đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ vào ngày 25 tháng 4 năm 2007 trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận.

Sau khi xác lập quan hệ hôn nhân, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã bỏ mặc nhau, không còn chung sống từ năm 2014 đến nay, bà L và ông A cùng thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông A đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà L xin được ly hôn và ông A cũng đồng ý. Việc thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Bà L và ông A đều có nguyện vọng nuôi cháu Tô Thị Diễm M. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, ông A hiện tại mất khả năng lao động không thể chăm sóc tốt cho con. Bà L có công việc làm và hằng tháng thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện chăm sóc con. Hiện nay cháu M được bà L nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt. Cháu M cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Các tình tiết này là rõ ràng theo lời khai của nguyên đơn và bị đơn cũng không phản đối. Căn cứ vào các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của bà L là được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tô Thị Miễm M là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu ông A đóng góp nuôi con nên Tòa án không xem xét đóng góp nuôi con chung đối với ông Tô Văn A.

[5]. Về tài sản chung: Bà L và ông A cùng khai tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án can thiệp nên không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Bà L và ông A cùng khai không có nên không xem xét.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án thì bà L phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Kim L và ông Tô Văn A.

2. Về con chung: Giao cháu Tô Thị Diễm M, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2007 cho bà Trần Thị Kim L được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Bà Trần Thị Kim L không yêu cầu ông Tô Văn A đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Tô Văn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà L đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 11209 ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Bà L đã nộp đủ.

- ***Về quyền kháng cáo:*** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện Đ;*
- *Chi cục THADS huyện Đ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Tự Soái